

Số: /BC-HĐND

Đồng Tháp, ngày tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

Thẩm tra các dự thảo Nghị quyết và Báo cáo liên quan đến lĩnh vực Pháp chế trình tại kỳ họp thứ tư, Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; theo phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh tại Công văn số 181/HĐND-VP ngày 01 tháng 06 năm 2022 về việc phân công thẩm tra các nội dung trình tại kỳ họp thứ tư, Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa X.

Ngày 23/6/2022, Ban Pháp chế tổ chức thẩm tra các dự thảo Nghị quyết và các Báo cáo liên quan đến lĩnh vực Pháp chế được phân công, trình tại Kỳ họp thứ tư, Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa X.

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế có ý kiến như sau:

I. Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của UBND Tỉnh và dự thảo Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học ở nước ngoài đến năm 2025

1. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Dự thảo Nghị quyết phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; dự thảo Nghị quyết cụ thể hóa một số nội dung trong Nghị quyết 03-NQ/TU ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ban chấp hành Đảng bộ Tỉnh khóa XI về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Đồng Tháp đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Tuy nhiên, qua thẩm tra Ban Pháp chế nhận thấy dự thảo Nghị quyết có thời hạn đến năm 2025, trong khi đó việc đào tạo, bồi dưỡng sau đại học ở nước ngoài cho cán bộ, công chức, viên chức là yêu cầu tất yếu và lâu dài để nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước, nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, do đó dự thảo Nghị quyết không cần đặt thời hạn đến năm 2025 thì sẽ phù hợp hơn.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo nghị quyết với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Các mức chi của dự thảo Nghị quyết phù hợp với tình hình, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đảm bảo cân đối ngân sách hàng năm của Tỉnh.

3. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức năm 2019; Luật Ngân sách nhà nước năm 2015¹; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính².

- Hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết, gồm:

+ Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của UBND Tỉnh về việc ban hành nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học ở nước ngoài đến năm 2025.

+ Dự thảo Nghị quyết.

+ Báo cáo số 384/BC-STP ngày 29 tháng 3 năm 2022 của Sở Tư pháp thẩm định dự thảo Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học ở nước ngoài đến năm 2025.

+ Báo cáo số 06/BC-STC ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Sở Tài chính tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học ở nước ngoài đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025.

+ Báo cáo số 152/BC-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh đánh giá kết quả tác động của chính sách quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học ở nước ngoài đến năm 2025.

¹ Điều 30, khoản 9, điểm h có quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: “*Quyết định các chế độ chi ngân sách nhà nước đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”.

² Điều 5, khoản 3, điểm b có quy định đối với địa phương: “*Căn cứ nội dung chi cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức ở nước ngoài quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định chi theo Đề án đã được cấp có thẩm quyền của địa phương quyết định và sử dụng từ nguồn ngân sách đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của địa phương để thực hiện*”.

- Trình tự đề nghị ban hành Nghị quyết

Qua thẩm tra Ban Pháp chế nhận thấy hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình cơ bản đáp ứng theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (*được sửa đổi, bổ sung 2020*). Đề đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh có đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết khi thảo luận, biểu quyết thông qua Nghị quyết này, đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh bổ sung hồ sơ trình: Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 927/QĐ-UBND-HC ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc ban hành Quy chế tuyển chọn đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài của tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 - 2020.

4. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Quyết định số 927/QĐ-UBND-HC ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành về việc ban hành Quy chế tuyển chọn đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài của tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 - 2020 đến nay đã hết hiệu lực. Để tiếp tục thực hiện chính sách này, trong đó có bổ sung một số chính sách hỗ trợ đào tạo mang tính chất đặc thù của địa phương, nên Ủy ban nhân dân Tỉnh trình Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Nghị quyết là cần thiết và đúng thẩm quyền.

5. Nội dung và hình thức của dự thảo Nghị quyết

a) Nội dung dự thảo Nghị quyết

- Về thể thức, kỹ thuật trình bày: Dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Tên gọi của dự thảo Nghị quyết: Cơ bản thống nhất theo dự thảo Nghị quyết.

Phần căn cứ để ban hành Nghị quyết đề nghị bổ sung: “*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020*” và cụm từ “trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp” vào đoạn cuối tên Nghị quyết.

b. Những nội dung còn có ý kiến khác nhau.

- Thời hạn thực hiện Nghị quyết đến năm 2025 theo dự thảo hoặc không cần nêu thời hạn của dự thảo Nghị quyết, vì: (1) Đào tạo, bồi dưỡng sau đại học ở nước ngoài cho cán bộ, công chức, viên chức là yêu cầu tất yếu và lâu dài để nâng cao chất lượng hoạt động của bộ máy quản lý nhà nước tỉnh nhà; (2) Thời hạn Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ và thời hạn Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Tỉnh kết thúc không cùng thời điểm (2025 và 2026), từ đó sẽ ảnh hưởng đến việc áp dụng thực hiện chính sách hỗ trợ không được liên tục trong thời điểm cuối

nhiệm kỳ và phát sinh thêm quy trình, thủ tục hồ sơ ban hành gia hạn hiệu lực để thực hiện Nghị quyết.

- Các nội dung: điều kiện, nguyên tắc, tiêu chuẩn, trách nhiệm, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức khi được đưa đào tạo sau đại học ở nước ngoài từ nguồn ngân sách hỗ trợ của nhà nước, nên được quy định cụ thể trong dự thảo Nghị quyết hoặc sẽ được quy định chi tiết trong Quyết định của UBND Tỉnh sau khi Nghị quyết được HĐND ban hành.

6. Quan điểm của Ban và phương án xử lý

- Đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết theo hướng:

Thứ nhất: Căn cứ để ban hành Nghị quyết bổ sung: “*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*”

Thứ hai: Điều chỉnh tên gọi của Nghị quyết thành “*Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp*”.

Thứ ba: Tại Điều 4 đề nghị bỏ cụm từ “*đến ngày 31 tháng 12 năm 2025*”.

Thứ tư: Bổ sung hồ sơ trình các nội dung: (1) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 927/QĐ-UBND-HC ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Tỉnh ban hành về việc ban hành Quy chế tuyển chọn đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài của tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2016 - 2020. (2) Dự thảo Quyết định ban hành Quy chế xét, tuyển chọn đưa đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (*giai đoạn tiếp theo*). Hoặc Dự thảo Quy định chi tiết hướng dẫn thực hiện Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học ở nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Đề nghị đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh xem xét, biểu quyết.

II. Tờ trình số 198/TTr-HĐND ngày 13 tháng 6 năm 2022 và dự thảo Nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp năm 2023

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết

Thực hiện theo khoản 1 Điều 58 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015³ và khoản 2 Điều 87 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015⁴.

³ Thường trực Hội đồng nhân dân dự kiến chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân trên cơ sở đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và kiến nghị của cử tri ở địa phương trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước.

Ban Pháp chế nhận thấy việc Thường trực HĐND Tỉnh xây dựng và trình HĐND Tỉnh ban hành Nghị quyết về Chương trình giám sát của HĐND Tỉnh năm 2023 là đúng thẩm quyền và cần thiết.

2. Tính khả thi của dự thảo Nghị quyết

Ngày 10/5/2022 Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Công văn số 146/HĐND-VP gửi Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân Tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh về việc có ý kiến đóng góp đối với Chương trình giám sát năm 2023 của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

Ngày 13/6/2022 Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh đã có Báo cáo số 197/BC-HĐND kết quả tổng hợp, tiếp thu ý kiến đóng góp về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân Tỉnh năm 2023.

Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh đã xem xét, cân nhắc, tiếp thu ý kiến góp ý tới đa từ nhiều phía, sẽ trình Hội đồng nhân dân Tỉnh tại kỳ họp lần thứ tư để xem xét, quyết định những nội dung giám sát chuyên đề, giám sát thường xuyên, giao trách nhiệm tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và dự kiến những nội dung để tổ chức phiên chất vấn hoặc giải trình giữa hai kỳ họp trong năm 2023.

3. Dự thảo Nghị quyết

- Tên gọi dự thảo Nghị quyết: Thống nhất với tên gọi của Nghị quyết là “*Nghị quyết về chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp năm 2023*”.

- Về thể thức, bố cục: Dự thảo Nghị quyết nêu trên là Nghị quyết cá biệt cơ bản đảm bảo thực hiện theo đúng biểu mẫu, thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản được quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế nhận thấy nội dung giám sát năm 2023 cùng với những yêu cầu phát sinh trong thực tế (nếu có) và Chương trình giám sát năm 2023 của Quốc hội khóa XV, Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân Tỉnh trong chỉ đạo, điều hành phải hết sức linh hoạt và có phương thức giám sát sao cho phù hợp. Khi xây dựng kế hoạch giám sát chuyên đề phải xác định đối tượng, phạm vi, mục đích, yêu cầu giám sát hết sức cụ thể, có trọng tâm, tránh dàn trải.

Đối với hoạt động giám sát thường xuyên, chú trọng giám sát đối với những ý kiến, kiến nghị của cử tri đã phản ánh; những công trình, dự án trọng điểm của địa phương đang tổ chức triển khai và kết quả thực hiện những Nghị quyết của HĐND Tỉnh đã ban hành vừa qua. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò, trách nhiệm và kinh nghiệm của các Tổ đại biểu, của từng đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh để

⁴ Hội đồng nhân dân quyết định nội dung giám sát theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân trình trên cơ sở các kiến nghị của Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và ý kiến, kiến nghị của cử tri địa phương.

cùng tham gia vào hoạt động khảo sát, giám sát mà Chương trình giám sát năm 2023 đã đề ra.

Ban Pháp chế thống nhất đối với nội dung dự thảo Nghị quyết.

Đề nghị đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh xem xét, biểu quyết.

III. Tờ trình số 205/TTr-HĐND ngày 16 tháng 6 năm 2022 và dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp

1. Về thẩm quyền và sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thực hiện theo điểm a khoản 1 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015⁵ và điểm c khoản 3 Điều 24 Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018⁶.

Ban Pháp chế nhận thấy việc Thường trực Hội đồng nhân dân Tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Nghị quyết ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân là đúng thẩm quyền và cần thiết.

2. Tính khả thi của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết được ban hành là căn cứ để Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức triển khai, bảo đảm công tác bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân Tỉnh; góp phần nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm về công tác bảo vệ bí mật nhà nước, phục vụ tốt tham mưu ban hành văn bản có nội dung bí mật nhà nước bảo đảm đúng căn cứ pháp lý, đúng thẩm quyền, tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về xác định độ mật của văn bản, phòng ngừa nguy cơ lộ, lọt bí mật nhà nước.

3. Dự thảo Nghị quyết

- Tên gọi dự thảo Nghị quyết: Thống nhất với tên gọi của Nghị quyết là “*Nghị quyết ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp*”.

- Về thể thức, bố cục: Dự thảo Nghị quyết thực hiện đảm bảo theo biểu mẫu, thể thức và bố cục được quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

Tuy nhiên, trong quá trình hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết cần điều chỉnh, sắp xếp bố cục các điều khoản của dự thảo Nghị quyết cho phù hợp.

- Ban Pháp chế thống nhất đối với nội dung dự thảo Nghị quyết.

⁵ Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh: ...*Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh.*

⁶ Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm: *Ban hành và tổ chức thực hiện quy chế bảo vệ bí mật nhà nước của cơ quan.*

Đề nghị đại biểu Hội đồng nhân dân Tỉnh xem xét, biểu quyết.

IV. Thăm tra các Báo cáo của Ủy ban nhân dân Tỉnh về kết quả thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong báo cáo tình hình kinh tế - xã hội⁷ và công tác phòng, chống tham nhũng⁸; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo⁹; phòng, chống tội phạm và đảm bảo trật tự an toàn giao thông¹⁰; cải cách hành chính¹¹ 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2022

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

Qua thăm tra, Ban Pháp chế nhận thấy, Ủy ban nhân dân Tỉnh và các ngành chức năng đã thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp có hiệu quả góp phần bảo đảm tình hình quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh. Tình hình an ninh biên giới và an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội toàn tỉnh tiếp tục được giữ vững ổn định, đảm bảo công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, các loại tội phạm giảm so với cùng kỳ năm 2021¹²; ; tình hình an ninh trật tự và an ninh quốc phòng khu vực biên giới được bảo đảm; công tác đối ngoại được củng cố và mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; duy trì quan hệ hợp tác, hữu nghị với các tỉnh láng giềng; công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm được tập trung thực hiện tốt; bảo đảm 100% chỉ tiêu về tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ vào quân đội nhân dân và công an nhân dân...

2. Kết quả thực công tác phòng, chống tham nhũng; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tội phạm và đảm bảo trật tự an toàn giao thông và cải cách hành chính

⁷ Báo cáo số 148/BC-UBND ngày 17/6/2022 của UBND Tỉnh về tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022.

⁸ Báo cáo số 120/BC-UBND ngày 02/6/2022 của UBND Tỉnh về kết quả công tác phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2022.

⁹ Báo cáo số 124/BC-UBND ngày 02/6/2022 của UBND Tỉnh về kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2022.

¹⁰ Báo cáo số 111/BC-UBND ngày 02/6/2022 của UBND Tỉnh về kết quả công tác phòng, chống tội phạm và đảm bảo trật tự an toàn giao thông 6 tháng đầu năm 2022 và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2022.

¹¹ Báo cáo số 150/BC-UBND ngày 20/6/2022 của UBND Tỉnh về kết quả công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2022.

¹² Tội phạm về trật tự xã hội xảy ra 132 vụ (*giảm 21 vụ so với năm 2019, giảm 30 vụ so với năm 2021*), làm chết 11 người, bị thương 41 người, tài sản xâm hại khoảng 2,23 tỷ đồng. Đã điều tra khám phá 130/132 vụ (*đạt 98,48%*), bắt 204 đối tượng, thu hồi tài sản 1,06 tỷ đồng; Triệt xóa 376 vụ (*tăng 140 vụ so với năm 2019, giảm 19 vụ so với năm 2021*), bắt 2.462 đối tượng tham gia tệ nạn cờ bạc, thu giữ khoảng 6,3 tỷ đồng. Phát hiện, bắt xử lý 291 vụ (*nhều hơn 29 vụ so với năm 2019, giảm 30 vụ so với năm 2021*). Kiểm tra, lập biên bản xử lý 93 vụ (*giảm 14 vụ so với năm 2019, giảm 54 vụ so với năm 2021*), chủ yếu vi phạm về an toàn thực phẩm, sử dụng điện đánh bắt thủy sản và khai thác cát sông trái phép, thú y và y tế. Triệt xóa 53 vụ (*ít hơn 29 vụ so với năm 2019 và giảm 54 vụ so với năm 2021*), thu giữ 202,175 gram ma túy tổng hợp, 0,583 gam heroin. Lập hồ sơ 76 người nghiện quản lý theo Nghị định 116/2021/NĐ-CP; 67 người nghiện ma túy quản lý theo Nghị định số 120/2021/NĐ-CP.

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế nhận thấy, các báo cáo của Ủy ban nhân dân Tỉnh đã phản ánh khá toàn diện tình hình công tác phòng, chống tham nhũng; tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tội phạm và đảm bảo trật tự an toàn giao thông 6 tháng đầu năm 2022. Ủy ban nhân dân Tỉnh, các ngành đã tích cực, chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ, thực hiện khá đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các tổ chức, công dân, tập trung xây dựng chính quyền vững mạnh.

Công tác phòng chống tham nhũng được quan tâm chỉ đạo thực hiện, Ủy ban nhân dân Tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện nhiều biện pháp phòng ngừa ở hầu hết các cơ quan, đơn vị, tập trung nhất là các lĩnh vực: quản lý, sử dụng đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản công tập trung, thị trường bất động sản, ngân hàng,...

Công tác phòng, chống tội phạm cơ bản đảm bảo yêu cầu về kéo giảm và đẩy lùi các loại tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự¹³; công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh được kéo giảm cả về số vụ và số người chết¹⁴.

Công tác tiếp công dân, tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết đơn, thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của công dân kịp thời, đúng quy định pháp luật¹⁵. Chủ động tiến hành kiểm tra, rà soát và tổ chức đối thoại công khai, dân chủ với từng hộ dân khiếu nại, vận dụng nhiều chính sách để áp dụng trong quá trình giải quyết khiếu nại, nhằm bảo đảm quyền lợi của người dân và an sinh, xã hội.

Ủy ban nhân dân Tỉnh, các cơ quan, đơn vị đã chú trọng triển khai và thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp cải cách hành chính; nâng cao điểm số các chỉ số quan trọng và bảo đảm duy trì vị trí thuộc nhóm dẫn đầu các chỉ số như PAPI, PAR Index, SIPAS, PCI...; thực hiện tốt công tác cải cách bộ máy tổ chức, cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn quá trình xử lý, giảm thời gian thực hiện các thủ tục hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch, nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, khắc phục việc giải quyết thủ tục hành chính bị trễ hạn, quá hạn và thái độ của công chức, viên chức khi tiếp xúc công dân.

3. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được, Ban Pháp chế nhận thấy vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần được quan tâm, giải quyết như:

Ở một số đơn vị, công tác tiếp công dân còn mang tính hình thức, công tác xử lý đơn thư kiến nghị, phản ánh còn hạn chế trong việc phân loại xử lý, việc đề xuất, xử lý đơn có lúc, có nơi chưa đạt yêu cầu, nội dung chưa đầy đủ, thiếu biên

¹³ Tội phạm về trật tự xã hội giảm 6% về số vụ.

¹⁴ Giảm 6,6% số vụ, giảm 9,7% số người chết, giảm 40,9% số người bị thương.

¹⁵ Tiếp công dân thường xuyên 1.372 lượt, định kỳ và đột xuất của thủ trưởng 134 kỳ với 133 lượt (tổng số đơn nhận qua tiếp công dân là 501 đơn với 531 vụ việc); Đã xử lý 935/950 đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo.

bản tiếp xúc; công tác tiếp nhận, xử lý đơn còn một vài trường hợp trễ thời gian quy định.

Tình hình vận chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu nhất là các mặt hàng như thuốc lá ngoại, đường cát vẫn còn xảy ra; tình hình tội phạm ma túy trên tuyến biên giới được kiểm soát nhưng vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ; tình hình mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy còn tiếp diễn; vi phạm pháp luật về môi trường chủ yếu là hành vi xả nước thải không qua xử lý ra môi trường; tình trạng khai thác lớp đất mặt không phép các địa phương chậm xử lý; vi phạm các quy định về an toàn thực phẩm; sử dụng xung điện để đánh bắt thủy sản; tệ nạn xã hội (*đá gà, đánh bài, lặc tài xỉu, mua bán số lô đề*) tập trung ở nông thôn ngày càng nhiều; tội phạm trộm cắp tài sản, cố ý gây thương tích có chiều hướng gia tăng; tội phạm liên quan đến tín dụng đen hoạt động phức tạp, tinh vi gây thiệt hại tài sản lớn trong nhân dân; chậm phát hiện, xử lý các trường hợp tham nhũng, tiêu cực trong các cơ quan, đơn vị; tai nạn giao thông được kiểm chế, kéo giảm nhưng vẫn còn xảy ra và để lại nhiều hậu quả thương tâm¹⁶.

Công tác tuyển dụng công chức, viên chức được Ủy ban nhân dân Tỉnh phân cấp cho thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng, tuy nhiên, một số cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp huyện chậm tổ chức thi tuyển để bổ sung đủ biên chế được giao, nhất là biên chế ngành giáo dục.

4. Kiến nghị

Ban Pháp chế thống nhất với các giải pháp Ủy ban nhân dân Tỉnh đã đề ra trong các báo cáo, tuy nhiên đề nghị Ủy ban nhân dân Tỉnh quan tâm:

Chỉ đạo thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện công tác tiếp công dân, chấn chỉnh kịp thời các hạn chế trong công tác phân loại, xử lý đơn, thu kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo.

Chỉ đạo thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các cấp thường xuyên tự kiểm tra nội bộ và công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu khi phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực và thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định pháp luật.

Chỉ đạo Công an tỉnh đẩy mạnh công tác đấu tranh, tấn công trấn áp tội phạm, nhất là các tội phạm nổi như giết người, cố ý gây thương tích, trộm cắp tài sản; tập trung giải quyết tình hình tệ nạn cờ bạc, “tín dụng đen”, thanh thiếu niên tụ tập gây rối, vi phạm pháp luật. Kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm và tội phạm sử dụng công nghệ cao, góp phần kiểm chế, kéo giảm tội phạm, vi phạm pháp luật. Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố; tổ chức điều tra, truy tố, xét xử

¹⁶ Xảy ra 42/45 vụ, làm chết 37/41 người, bị thương 13/22 người, thiệt hại tài sản khoảng 188 triệu đồng.

các vụ án nghiêm minh, kịp thời, đúng pháp luật để giáo dục và răn đe, phòng ngừa tội phạm. Đẩy nhanh tiến độ điều tra, xử lý nghiêm minh vụ việc liên quan đến mua sắm thiết bị, sinh phẩm phục vụ phòng, chống dịch Covid-19, xử lý và làm rõ trách nhiệm trong đấu thầu mua sắm tài sản tập trung thời gian qua trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo lực lượng chức năng nắm tình hình vận chuyển, mua bán hàng cấm, hàng nhập lậu trên tuyến biên giới và thị trường nội địa; tập trung xử lý vi phạm liên quan đến các mặt hàng xăng dầu, phân bón, rượu, bia, đường cát, thuốc lá điếu, mỹ phẩm và các loại hàng hóa khác.

Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, khai thác tài nguyên, khoáng sản trên địa bàn tỉnh; kiểm tra, giám sát chặt chẽ các vùng nuôi thủy sản trong tỉnh, đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường; phát hiện và ngăn chặn kịp thời việc các hộ dân tự đào ao nuôi cá không theo quy hoạch.

Tiếp tục nhận định đánh giá, phân tích kỹ các nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan về tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật để có giải pháp căn cơ, quyết liệt chỉ đạo phòng ngừa và trấn áp các loại tội phạm có chiều hướng gia tăng (*trộm cắp, ma túy, môi trường, đánh bạc, tội phạm trong lứa tuổi thanh thiếu niên, buôn lậu, hàng gian, hàng giả, tội phạm công nghệ cao,...*).

Tăng cường triển khai đợt cao điểm kiểm tra, kiểm soát, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông góp phần kiềm chế vào kéo giảm tai nạn giao thông; xử lý kịp thời các điểm đen phức tạp về an toàn giao thông.

Chỉ đạo thủ trưởng các đơn vị, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố sử dụng và bố trí đủ số biên chế đã được giao, kiên quyết thu hồi biên chế được giao nếu cơ quan, đơn vị chưa có nhu cầu.

V. Thẩm tra kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm và phương hướng 6, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2022 qua Báo cáo của Tòa án nhân dân Tỉnh¹⁷, Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh¹⁸, Cục thi hành án dân sự Tỉnh¹⁹

Qua xem xét Báo cáo Ban Pháp chế nhận thấy:

1. Đối với Tòa án nhân dân Tỉnh

a) Kết quả đạt được

Sáu tháng đầu năm 2022, Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ công tác của ngành,

¹⁷ Báo cáo số 702/BC-TA ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Chánh án Tòa án nhân dân Tỉnh.

¹⁸ Báo cáo số 308/BC-VKS ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh.

¹⁹ Báo cáo số 216/BC-THADS ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Cục trưởng Cục thi hành án dân sự Tỉnh.

đảm bảo yêu cầu đặt ra trong công tác xét xử, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng giải quyết án²⁰.

Tích cực triển khai thi hành Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án²¹, tổ chức sơ kết và mở lớp bồi dưỡng nghiệp vụ hòa giải, đối thoại tại tòa án.

Tổ chức triển khai và đảm bảo việc công bố bản án, quyết định lên Công thông tin điện tử của Tòa án²²; tổ chức 95 phiên tòa rút kinh nghiệm.

Triển khai và thực hiện có hiệu quả các kiến nghị của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh sau các đợt giám sát²³.

Đảm bảo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác thi hành án hình sự²⁴.

b) Hạn chế

Tỷ lệ giải quyết án dân sự và án hành chính vẫn còn thấp.

Vẫn còn một số trường hợp án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán.

Chưa kịp thời bổ sung đủ số lượng biên chế Thẩm phán.

c) Kiến nghị

Để kết quả xét xử của Tòa án nhân dân hai cấp trong năm 2022 hiệu lực, hiệu quả hơn Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân Tỉnh một số nội dung sau:

- Tòa án nhân dân hai cấp cần đẩy nhanh tiến độ xét xử các vụ việc đang thụ lý chưa đưa ra xét xử, hạn chế tình trạng án bị tồn đọng.

- Tiếp tục phổ biến Luật Hòa giải, đối thoại tại tòa án để công tác hòa giải, đối thoại tại tòa án đi vào chiều sâu, tiếp cận được nhiều đối tượng.

- Nâng cao chất lượng công tác xét xử, hạn chế đến mức thấp nhất án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán.

- Nhanh chóng bổ sung đủ số lượng Thẩm phán còn thiếu để giảm bớt áp lực giải quyết án đối với từng Thẩm phán.

2. Đối với Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh

²⁰ Từ ngày 01/10/2021 đến 31/3/2022, Tòa án hai cấp thụ lý 8.774 vụ việc các loại, giải quyết 5.333 vụ việc, đạt tỷ lệ 60,8%, còn lại 3.441 vụ việc.

²¹ Nhận 1.452 đơn đủ điều kiện tiến hành hòa giải đối thoại tại Tòa án. Hòa giải thành, đối thoại thành 717 (48,9%), trong đó: TAND Tỉnh 02, TAND cấp huyện 715.

²² Từ 01/01/2022 đã công bố: 638 bản án, quyết định của TAND Tỉnh, 19.907 bản án, quyết định của TAND cấp huyện.

²³ Giải quyết xong 65/131 vụ việc còn tồn đọng.

²⁴ Giải quyết 109/109 đơn khiếu nại, 01/01 đơn tố cáo; ra quyết định thi hành án hình sự đạt 100%.

a) Kết quả đạt được

Sáu tháng đầu năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều cố gắng, nỗ lực và đạt được nhiều kết quả tích cực trong việc đảm bảo công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự, án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật²⁵.

Tích cực phối hợp với Tòa án cùng cấp tổ chức 53 phiên tòa rút kinh nghiệm, vượt 28,5% chỉ tiêu cả năm.

Đảm bảo công tác tiếp công dân²⁶ và giải quyết khiếu nại, tố cáo²⁷.

b) Kiến nghị

Tiếp tục phát huy những kết quả tích cực đã đạt được, nâng cao chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát trong hoạt động tư pháp, Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh một số nội dung sau:

- Quan tâm chỉ đạo công tác kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân hai cấp trong kiểm sát thi hành án dân sự, thi hành án hành chính, góp phần giảm số lượng vụ việc có điều kiện thi hành trên 01 năm chưa thi hành xong.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm sát, kháng nghị phúc thẩm, kiến nghị yêu cầu khắc phục và kiến nghị phòng ngừa vi phạm.

- Nâng cao chất lượng công tác kiểm sát của từng Kiểm sát viên, hạn chế tối đa trường hợp án bị hủy, sửa do lỗi chủ quan.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan trong tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, nhất là đối với lứa tuổi thanh thiếu niên.

3. Đối với Cục thi hành án dân sự Tỉnh

a) Kết quả đạt được

Sáu tháng đầu năm 2022, Cơ quan thi hành án dân sự hai cấp trên địa bàn tỉnh đã có nhiều cố gắng, nỗ lực và đạt được nhiều kết quả tích cực trong công tác

²⁵ Bảo đảm 100% trường hợp thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm và khởi tố vụ án được kiểm sát;

Bảo đảm công tác kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật;

Bảo đảm chất lượng công tác tạm giữ hình sự chuyển khởi tố, công tác truy tố kịp thời và đúng thời hạn;

Bảo đảm công tác kiểm sát tạm giữ, tạm giam;

Kiểm sát tại 08 Cơ quan Thi hành án dân sự, ban hành 01 kháng nghị, 12 kiến nghị tổng hợp và 02 kiến nghị vụ việc yêu cầu Tòa án, Cơ quan thi hành án khắc phục vi phạm.

²⁶ Tiếp 99 công dân, giảm 54 lượt (54,5%), trong đó lãnh đạo tiếp 10 công dân.

²⁷ Đã giải quyết 05 đơn/05 việc, đạt tỷ lệ 100%.

thi hành án dân sự, qua đó giải quyết được số lượng lớn vụ việc thi hành án dân sự mặc dù vẫn chưa được bổ sung đủ biên chế và số lượng án thụ lý đều tăng theo từng năm²⁸. Theo đó:

- Về việc, đã thi hành xong là 6.122 việc, giảm 585 việc (giảm 8,72%) so với cùng kỳ năm 2021; đạt tỷ lệ **60,35%** (tăng 1,98%) so với cùng kỳ năm 2021 và so với chỉ tiêu của Tổng cục giao còn thiếu 21,15%.

- Về tiền, đã thi hành xong là 286 tỷ 831 triệu 929 nghìn đồng, tăng 09 tỷ 750 triệu 757 nghìn đồng (tăng 3,51%) so với cùng kỳ năm 2021; đạt tỷ lệ **29,16%** (giảm 1,97%) so với cùng kỳ năm 2021 và so với chỉ tiêu của Tổng cục giao còn thiếu 11,94%.

Lãnh đạo Cục và các Chi cục thi hành án dân sự thường xuyên, theo dõi, chỉ đạo các Chấp hành viên tại Cục và các Chi cục luôn chú trọng thực hiện đảm bảo theo Quy trình tổ chức thi hành án, nâng cao chất lượng công tác thi hành án dân sự, đảm bảo công tác hướng dẫn nghiệp vụ khi có yêu cầu.

Cơ quan thi hành án dân sự hai cấp đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong thực hiện các kiến nghị của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh sau giám sát kết quả hoạt động của Cục thi hành án dân sự năm 2021²⁹.

Bảo đảm công tác tiếp công dân³⁰ và giải quyết khiếu nại, tố cáo³¹, chú trọng giải quyết phản ánh, kiến nghị của công dân.

b) Hạn chế

Tỷ lệ thi hành xong về việc và tiền trên địa bàn toàn tỉnh đạt khá cao (tăng hơn 1,98% so với cùng kỳ năm 2021) nhưng thấp cả về tỷ lệ và giá trị tuyệt đối (thấp hơn 585 việc, tương ứng giảm 8,72%).

²⁸ 06 tháng đầu năm 2022, đã thụ lý:

- Về việc: Tổng số phải thi hành là 15.485 việc, trong đó: Số có điều kiện thi hành là 10.144 việc, chiếm 65,50% trong tổng số phải thi hành; số chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng) là 5.154 việc, chiếm 33,28% trong tổng số phải thi hành; số hoãn thi hành án (trừ Điểm c Khoản 1, Điều 48) là 169 việc và tạm đình chỉ thi hành án là 18 việc.

- Về tiền: Sau khi trừ đi số ủy thác là 40 tỷ 817 triệu 711 nghìn đồng, tổng số phải thi hành là 1.981 tỷ 718 triệu 693 nghìn đồng, trong đó: Số có điều kiện thi hành là 983 tỷ 665 triệu 830 nghìn đồng, chiếm 49,63% trong tổng số phải thi hành; số chưa có điều kiện (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng) là 894 tỷ 772 triệu 282 nghìn đồng, chiếm 45,15% trong tổng số phải thi hành; số hoãn thi hành án (trừ Điểm c Khoản 1, Điều 48) là 93 tỷ 040 triệu 556 nghìn đồng và số tạm đình chỉ thi hành án là 10 tỷ 240 triệu 025 nghìn đồng.

²⁹ Theo kết luận giám sát năm 2021 của Ban Pháp chế, những vụ việc có điều kiện thi hành từ năm 2015 trở về trước, án liên quan đến quyền sử dụng đất có điều kiện thi hành từ năm 2018 trở về trước có điều kiện thi hành còn tồn đọng là **94** việc. Đến cuối tháng 5/2022, tổng số việc còn lại phải thi hành là **64** vụ việc.

³⁰ Đã tiếp 88 lượt công dân/91 vụ việc (Cục: 12 lượt, Chi cục: 76 lượt), trong đó: thủ trưởng các cơ quan THADS trong tỉnh đã tiếp 58 lượt công dân (Cục 03 lượt, Chi cục: 55 lượt), giảm 11 lượt so với cùng kỳ 2021, đã xem xét giải quyết 91 vụ việc, không có trường hợp phát sinh tiếp đoàn đông người.

³¹ Đã giải quyết xong 09/09 việc (đạt 100% so với số việc thụ lý).

Số lượng án có điều kiện thi hành chuyển kỳ sau vẫn còn khá cao³².

Những vụ việc 2015, án 2018 liên quan đất đai trở về trước có điều kiện thi hành đến nay chưa thi hành xong; số lượng án có điều kiện thi hành trên 01 năm chưa thi hành xong còn khá cao.

c) Kiến nghị

Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh đề nghị Cục trưởng Cục thi hành án dân sự Tỉnh tiếp tục quan tâm, chỉ đạo Cơ quan thi hành án dân sự hai cấp và các cơ quan có liên quan một số nội dung sau:

- Thực hiện có hiệu quả các kiến nghị của Ban Pháp chế sau các đợt khảo sát, giám sát.
- Đẩy nhanh tiến độ công tác thi hành án dân sự, giải quyết có hiệu quả số lượng vụ việc có điều kiện thi hành còn chưa thi hành xong trong năm.
- Hạn chế đến mức thấp nhất số vụ việc và tiền phải chuyển sang năm sau.
- Theo dõi, kiểm tra tiến độ thi hành án đối với những vụ việc có điều kiện thi hành từ 01 năm trở lên chưa thi hành xong và tiến độ công tác thi hành án hành chính.

Trên đây là Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Tỉnh đối với các nội dung được phân công thẩm tra tại kỳ họp thứ tư, Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa X.

Kính trình Hội đồng nhân dân Tỉnh xem xét, thảo luận./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Ủy ban nhân dân Tỉnh;
- Đại biểu HĐND Tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng công tác HĐND(PVN).

**TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN**

Nguyễn Hữu Đức

³² 4.017 việc tương ứng 695 tỷ đồng.